

HỢP ĐỒNG THUÊ KHOẢN TÀI SẢN

HỢP ĐỒNG THUÊ KHOÁN TÀI SẢN

Số: ...

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của các bên trong hợp đồng;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 20..., tại ... chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê khoán tài sản (sau đây gọi tắt là bên A):

Tên tổ chức: ...

Địa chỉ trụ sở: ...

Mã số doanh nghiệp: ...

Người đại diện theo pháp luật là ông/ bà: ...

Chức vụ: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

Bên thuê khoán tài sản (sau đây gọi tắt là bên B):

Tên tổ chức: ...

Địa chỉ trụ sở: ...

Mã số doanh nghiệp: ...

Người đại diện theo pháp luật là ông/ bà: ...

Chức vụ: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

Hai bên thỏa thuận và đồng ý ký kết hợp đồng thuê khoán tài sản với các điều khoản như sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng

Bên A đồng ý cho Bên B thuê khoán tài sản với thông tin như sau:

- 1.1. Tài sản cho thuê: [...]
- 1.2. Xuất xứ, chủng loại tài sản: [...]
- 1.3. Số lượng: [...]
- 1.4. Tình trạng, chất lượng của tài sản: [...]
- 1.5. Thông tin khác: [...]

(Mô tả chi tiết về tài sản cho thuê khoán và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê khoán).

Điều 2. Thời hạn thuê khoán

Thời hạn thuê tài sản thuê khoán tại Điều 1 hợp đồng này là ... tháng, kể từ ngày .../.../...
...

Điều 3. Mục đích khai thác tài sản thuê khoán

Tài sản thuê khoán tại Điều 1 hợp đồng này được sử dụng cho mục đích:

Điều 4. Giá thuê khoán, phương thức và thời hạn thanh toán

1. Giá thuê khoán tài sản tại Điều 1 của hợp đồng này là: ... đồng (Bằng chữ: ... đồng).
Đã/chưa bao gồm VAT.

2. Phương thức thanh toán: Tiền mặt/chuyển khoản

3. Thời hạn thanh toán:

Đợt 1: Bên B thanh toán tiền thuê khoán tài sản cho bên A trước ngày .../.../... với số tiền là: ... đồng (Bằng chữ: ... đồng).

Đợt 2: Bên B thanh toán tiền thuê khoán tài sản cho bên A trước ngày .../.../... với số tiền là: ... đồng (Bằng chữ: ... đồng).

(Bên A và bên B có thể thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền thuê khoán tài sản và ghi cụ thể vào hợp đồng này).

Điều 5. Giao tài sản thuê khoán

Tại thời điểm giao nhận tài sản thuê khoán tại Điều 1 hợp đồng này, bên A và bên B lập biên bản đánh giá toàn bộ tình trạng của tài sản thuê khoán và xác định giá trị tài sản thuê khoán. Biên bản giao tài sản thuê khoán được đính kèm hợp đồng này.

(Trường hợp bên A và bên B không xác định được giá trị của tài sản thuê khoán thì mời bên thứ ba xác định giá trị của tài sản thuê khoán theo quy định của pháp luật).

Điều 6. Quyền, nghĩa vụ của các bên

1. Quyền, nghĩa vụ của bên A:

Giao tài sản thuê khoán cho bên B theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng này và cung cấp thông tin cần thiết về việc sử dụng tài sản đó.

Bảo đảm tài sản thuê khoán trong tình trạng như đã thỏa thuận, phù hợp với mục đích thuê trong suốt thời gian cho thuê.

Bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng, khuyết tật của tài sản thuê khoán, trừ hư hỏng nhỏ mà theo thỏa thuận với bên A, bên B phải tự sửa chữa.

Bảo đảm quyền sử dụng tài sản thuê khoán ổn định trong thời hạn thuê khoán tài sản cho bên B.

Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng này, nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Bên B không trả tiền thuê khoán tài sản trong thời hạn là ... tháng; Bên B sử dụng tài sản thuê khoán không đúng mục đích, không đúng công dụng.

Yêu cầu bên B báo đột xuất về tình trạng tài sản và tình hình khai thác tài sản cho bên A. Bên B phải có trách nhiệm báo kịp thời cho bên A.

Thanh toán cho bên B chi phí hợp lý để sửa chữa, cải tạo tài sản thuê khoán theo thỏa thuận với bên B.

Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Quyền, nghĩa vụ của bên B:

Yêu cầu bên A giảm hoặc miễn tiền thuê khoán nếu hoa lợi, lợi tức bị mất ít nhất là một phần ba do sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Khai thác tài sản thuê khoán đúng mục đích đã thỏa thuận và báo cho bên A theo định kỳ về tình trạng tài sản và tình hình khai thác tài sản.

Trả đủ tiền thuê khoán cho dù không khai thác công dụng của tài sản thuê khoán.

Bảo quản, bảo dưỡng tài sản thuê khoán và trang thiết bị kèm theo bằng chi phí của bên B trong thời hạn khai thác tài sản thuê khoán.

Tự sửa chữa, cải tạo tài sản thuê khoán theo thỏa thuận với bên A.

Trả lại tài sản thuê khoán ở tình trạng phù hợp với mức độ khấu hao đã thỏa thuận với bên A.

Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 7. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Bồi thường thiệt hại: Bên vi phạm nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho bên bị vi phạm (nếu có).

Điều 8. Chi phí khác

Lệ phí công chứng, chứng thực hợp đồng này do bên ... chịu trách nhiệm thực hiện thanh toán theo đúng quy định của pháp luật.

Chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bảo vệ tài sản thuê khoán, ... do bên ... chịu trách nhiệm thực hiện thanh toán theo đúng quy định của pháp luật (*Bên A và bên B thỏa thuận và ghi cụ thể vào hợp đồng này*).

Điều 9. Phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết, thì bên A và bên B tiến hành thỏa thuận và thống nhất giải quyết kịp thời, hợp tình và hợp lý. Trường hợp bên A và bên B không thỏa thuận được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cam đoan của các bên

1. Bên A cam đoan:

Thông tin về nhân thân, tài sản thuê khoán ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;

Tài sản thuê khoán thuộc trường hợp được cho thuê khoán theo quy định của pháp luật;

Tại thời điểm giao kết hợp đồng này: Tài sản cho thuê khoán không có tranh chấp; Tài sản cho thuê khoán không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

Những thông tin về nhân thân ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;

Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản thuê khoán tại Điều 1 của hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản thuê khoán (nếu có);

Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

Điều 11. Các thỏa thuận khác

Hai bên đồng ý đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

Bên A và bên B đồng ý thực hiện theo đúng các điều khoản trong hợp đồng này và không nêu thêm điều kiện gì khác.

Hợp đồng này được lập thành ... bản, mỗi bản gồm ... trang, có giá trị pháp lý như nhau và được giao cho bên A ... bản, bên B ... bản./.

BÊN B

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)

BÊN A

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)

...

...